

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO
Số: 35/2015/TT-BGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục bao gồm: đối tượng thi đua, khen thưởng; tổ chức phát động phong trào thi đua; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, tuyển trình, thủ tục đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và tổ chức trao tặng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng sáng kiến; quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP); Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 39/2012/NĐ-CP); Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi chung là Nghị định số 65/2014/NĐ-CP); Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi chung là Thông tư số 07/2014/TT-BNV) và các quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua gồm:

- a) Các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng, Cơ quan đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Bộ);
- b) Các cơ sở giáo dục, các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi chung là các đơn vị trực thuộc Bộ);
- c) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên;
- d) Các Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- đ) Trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là trường thuộc Bộ); các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập; trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;
- c) Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- g) Các khoa, phòng, ban và các tổ chức tương đương trực thuộc các đơn vị quy định tại các Điểm b, Điểm d, Điểm đ, Điểm e của Khoản này;
- h) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bao gồm cả người đang trong thời gian tập sự, hợp đồng từ 01 năm trở lên làm việc tại các cơ quan, đơn vị quy định tại các Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản này;
- i) Học sinh, sinh viên đang học tập tại các cơ sở giáo dục.

2. Đối tượng khen thưởng gồm:

- a) Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này;
- b) Tổ chức, cá nhân không thuộc ngành Giáo dục; tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân người nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Nguyên tắc bình xét thi đua, khen thưởng

1. Việc xét khen thưởng được tiến hành khi tổng kết năm công tác hoặc năm học, tổng kết các cuộc vận động, thi đua theo chuyên đề hoặc khi phát hiện gương người tốt, việc tốt.

2. Các cuộc họp xét danh hiệu thi đua, khen thưởng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hoặc thành viên của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị tham dự.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, Bằng khen Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các hạng phải đạt từ 70% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số người tham gia họp hoặc được xin ý kiến.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước phải được các thành viên của Hội đồng bỏ phiếu kín và đạt từ 90% số phiếu đồng ý trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng cấp đó (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng phối hợp với người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ, tham mưu đề xuất với Bộ trưởng về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức, phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong ngành Giáo dục; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong ngành; giúp Hội đồng thẩm định hồ sơ thi đua, xét tặng khen thưởng, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng xét, tặng theo thẩm quyền hoặc trình Bộ trưởng để Bộ trưởng trình cấp có thẩm quyền xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Người đứng đầu các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Giám đốc Đại học Quốc gia, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức đoàn thể cùng cấp cụ thể hóa nội dung, chỉ tiêu, biện pháp tổ chức các phong trào thi đua và

kiểm tra việc thực hiện; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

3. Các cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong các phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Đơn vị, cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị lên cấp trên.

Điều 5. Khối, vùng thi đua

1. Căn cứ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, phạm vi hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ, trực thuộc Bộ, Đại học Quốc gia, các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ và cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập, Bộ trưởng quyết định thành lập các khối thi đua.

2. Căn cứ đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, Bộ trưởng quyết định thành lập các vùng thi đua đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Trưởng khối, trưởng vùng thi đua chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về hoạt động của khối, vùng thi đua.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của khối, vùng thi đua:

a) Tổ chức thực hiện phong trào thi đua do Bộ phát động; cụ thể các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp xây dựng phong trào thi đua trong khối, vùng thi đua;

b) Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, trao đổi học tập, chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng các mô hình mới, điển hình tiên tiến trong khối, vùng thi đua;

c) Đánh giá, xếp hạng trong khối, vùng thi đua để Bộ trưởng xét, quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, Cờ thi đua cấp Bộ, Bằng khen Bộ trưởng theo hướng dẫn hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương II

TỔ CHỨC PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA;